

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG

Ngày 2 tháng 11 năm 2015

**TỜ TRÌNH ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TTF
(Số 01/2015/ĐHCĐBT-TTF)**

Ngày 26/11/2014 Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật số 68/2014/QH13 (sau gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”) để thay thế cho Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11

Nhằm cập nhật các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2014 và pháp luật có liên quan cũng như căn cứ trên tình hình thực tế trong tổ chức, hoạt động của Công ty; HĐQT (“HĐQT”) trình ĐHCĐ (“ĐHCĐ”) xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ như sau:

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Mục tiêu kinh doanh	Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Cty 3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tất cả các ngành nghề kinh doanh theo qui định của Giấy chứng đăng ký kinh doanh được liệt kê dưới đây và các lĩnh vực khác vào từng thời điểm theo phê chuẩn của Hội đồng quản trị phù hợp với pháp luật Việt Nam	Sửa đổi khoản 1 điều 3 như sau: 3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tất cả các ngành nghề kinh doanh được liệt kê dưới đây và các lĩnh vực khác vào từng thời điểm theo phê chuẩn của Hội đồng quản trị phù hợp với pháp luật Việt Nam	Sửa đổi phù hợp với qui định tại Điều 29 của LDN 2015 – <i>Trong giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh không thể hiện ngành nghề kinh doanh</i>
2	Ngành, nghề kinh doanh	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 4.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 4 như sau: Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 4.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tham gia vào tất cả các hoạt động kinh doanh theo qui định của Điều lệ và qui định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với qui định tại Khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 28 Luật DN về quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp đối với những ngành nghề pháp luật không cấm; quyền chủ động lựa chọn ngành nghề; chủ động điều chỉnh qui mô và ngành, nghề kinh doanh
3	Chứng nhận cổ phiếu	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 6.1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu 6.2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật	Sửa đổi, bổ sung khoản 6.1 và 6.2 Điều 6 như sau: 6.1. Cổ phiếu của cổ phần phổ thông của Công ty phải có các nội dung chủ yếu theo qui định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 6.2. Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi	- Khoản 6.1 và 6.2 điều lệ cũ không thể hiện đầy đủ được các qui định theo Luật DN, nên sửa đổi thành một khoản 6.1 và viện dẫn theo khoản 1 Điều 120 LDN - Bổ sung thêm qui định tại

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	(nếu có) của Công ty còn có các nội dung tương ứng khác theo qui định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp	điều 116,117,118 của LDN
4	Quyền của cổ đông	Điều 11. Quyền của cổ đông 11.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp 11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 11 như sau: h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp 11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp	Cập nhật số điều khoản viện dẫn trong qui định này theo LDN 2014
5	Các trường hợp HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường	Điều 13. ĐHĐCĐ 13.3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 13 như sau: 13.3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi số thành viên của HĐQT bị giảm quá một phần ba so với qui định trong Điều lệ e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình	- Sửa đổi theo qui định tại điểm a khoản 3 Điều 156 LDN 2014

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>Điều 13. ĐHĐCĐ 13.4 Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định</p> <p>Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định</p> <p>Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi điểm b, c khoản 4 Điều 13 như sau: 13.4 Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định</p> <p>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định</p> <p>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</p>	Cập nhật số điều khoản viện dẫn trong qui định này theo Luật DN 2014
6	Thẩm quyền của ĐHĐCĐ	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ 14.2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p> <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 LDN</p>	<p>Sửa đổi Điểm m khoản 2 Điều 14 như sau: 14.2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán</p> <p>Sửa đổi điểm p khoản 2 Điều 14 như sau: p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 LDN</p>	<p>- Phạm vi giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ đã được qui định rộng và cụ thể hơn theo Điểm d khoản 2 Điều 135 Luật DN 2014: “Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản...” so với “giao dịch bán tài sản”. Do đó cập nhật theo LDN 2014</p> <p>Cập nhật số điều khoản viện dẫn trong qui định này theo Luật DN 2014</p>
7	Số lượng người đại diện theo pháp luật	Không có qui định	Bổ sung, sửa đổi điểm 4 khoản 2 Điều 2 số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty: 2.4. Số lượng Người đại diện theo pháp luật của Công ty là 2 người và do Hội đồng Quản trị quyết định. Trách nhiệm	- Luật DN 2014 khoản 13 Điều 12 cho phép công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật. Do đó, bổ sung qui định này

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			của Người đại diện theo pháp luật công ty qui định tại điều 14 Luật Doanh nghiệp	
8	Hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại ĐHĐCĐ	Không có qui định	Bổ sung thêm khoản 5 Điều 15 như sau: 5. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với Đại diện theo Ủy quyền trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tại ĐHĐCĐ đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba	Cập nhật theo qui định tại khoản 1 Điều 16 của Luật DN 2014
9	Tỷ lệ thông qua việc thay đổi các quyền của cổ phần ưu đãi	Điều 16. Thay đổi các quyền 16.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua...	Sửa đổi khoản 1 điều 16 như sau: 16.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua...	Sửa đổi cho phù hợp theo Điều 144 Luật DN 2014
10	Thời gian tổ chức ĐHCĐ	Điều 17. Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ 17.2.a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 17 như sau: 17.2.a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ	Sửa đổi theo qui định tại khoản 1 Điều 137 của LDN 2014
11	Điều kiện để tiến hành họp ĐHĐCĐ	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ 18.1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết 18.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ	Sửa đổi Điều 18 như sau: 18.1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết 18.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được	Sửa đổi cho phù hợp theo Điều 141 Luật DN 2014

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết</p> <p>18.3. Trường họp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường họp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất</p>	<p>tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết</p> <p>18.3 Trường họp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản 2 điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường họp này cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp</p> <p>18.4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 4 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp</p>	
12		<p>Điều 19. Thử thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>19.4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường họp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường họp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Sửa đổi khoản 4 Điều 19 như sau:</p> <p>19.4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường họp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường họp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp</p>	Sửa đổi theo qui định tại điểm a khoản 2 Điều 142 của LDN 2014
13	<p>- Tỷ lệ thông qua các nghị quyết</p> <p>- Qui định rõ hơn về bầu dồn phiếu</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>20.1. Trừ trường họp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của ĐHĐCĐ về các</p>	<p>Sửa đổi Điều 20 như sau:</p> <p>20.1. Trừ trường họp qui định tại khoản 2 và 3 Điều này, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ</p>	Sửa đổi theo qui định tại Khoản 1,2,3 Điều 144 của LDN

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCD</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế TVHĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm TGD điều hành.</p> <p>20.2. Các quyết định của ĐHĐCD liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Cty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Cty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCD (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> <p>20.3 Cổ đông có mặt hoặc người đại diện được ủy quyền của họ sẽ bỏ phiếu để phê chuẩn các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Kết quả bỏ phiếu sẽ được xem là nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp tán thành</p> <p>20.2. Nghị quyết của ĐHĐCD về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định; e. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>20.3. Đối với việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành</p>	

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	
14	Tỷ lệ tối thiểu thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 21.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cp có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Sửa đổi khoản 8 Điều 21 như sau: Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 21.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cp có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Theo qui định tại Khoản 4 Điều 144 LDN 2014 cho phép Cty CP được qui định mức tỷ lệ cụ thể nhưng không thấp hơn 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành
15	Hình thức thông qua NQ của ĐHĐCĐ	Chưa có qui định	20.4. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ; hoặc lấy ý kiến bằng văn bản nhưng tỉ lệ biểu quyết phải đạt ít nhất 67% tán thành a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b) Định hướng phát triển công ty; c) Loại cp và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, <i>hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</i>	Bổ sung theo qui định mới tại Luật DN 2014 – khoản 2 Điều 143

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể công ty.	
16	Quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ...	Sửa đổi đoạn đầu của Điều 23 như sau: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ nghị quyết của ĐHĐCĐ...	Sửa đổi theo qui định tại Điều 147 LDN 2014 <i>Căn cứ vào khoản 2 Điều 114 của LDN 2014 (qui định cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn.)</i>
17	Thành phần và nhiệm kỳ của HĐQT	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT 24.1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Sửa đổi khoản 1 điều 24 như sau: 24.1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam chiếm ít nhất 3/4 số lượng thành viên HĐQT	Sửa đổi và bổ sung theo qui định tại khoản 2 Điều 150 LDN 2014 Cơ cấu tổ chức công ty theo hình thức: 1. ĐHĐCĐ 2. HĐQT 3. Ban kiểm soát 4. TGD điều hành → Vậy nên không cần qui định về số lượng thành viên độc lập Điểm mới của LDN 2014 là không qui định nhiệm kỳ của HĐQT
18	Thẩm quyền phê chuẩn Hợp đồng của HĐQT	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 25.4 Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn: 25.4.c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 LDN và trừ trường hợp quy định	Sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 25 và điểm p khoản 4 Điều 25 như sau: 25.4 Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn: 25.4.c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 LDN và trừ trường hợp quy định	- Cập nhật số điều khoản viện dẫn trong qui định này theo LDN - Bổ sung thêm phạm vi hợp đồng thuộc thẩm quyền phê chuẩn của HĐQT theo qui

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>tại Khoản 3 Điều 120 LDN phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HDQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p> <p>25.4.p. Bất kỳ việc bán tài sản hoặc một số tài sản nào với giá thị trường hợp lý có giá trị từ 1% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất</p>	<p>tại Khoản 3 Điều 162 LDN phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HDQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay sáp nhập, thuê công ty và liên doanh và hợp đồng hợp đồng giao dịch khác mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Cty trở lên);</p> <p>25.4.p. Bất kỳ việc bán tài sản hoặc một số tài sản nào với giá thị trường hợp lý có giá trị từ 25% tổng giá trị tài sản của Công ty theo báo cáo tài chính gần nhất</p>	<p>định tại điểm h khoản 2 Điều 149 LDN 2014 bao gồm: Hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng khác</p> <p>- Điều chỉnh giá trị hợp đồng thuộc thẩm quyền phê chuẩn của HDQT bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Cty trở lên theo LDN 2014</p> <p>- Điều chỉnh thẩm quyền quyết định của HDQT về việc bán tài sản có giá trị dưới 35% theo điểm d khoản 1 Điều 144 và khoản 2 Điều 162 của LDN 2014</p>
19	Thời hạn triệu tập cuộc họp bất thường HDQT khi	Điều 27. Các cuộc họp của HDQT 27.4. Các cuộc họp HDQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp...	Sửa đổi khoản 4 Điều 27 như sau: 27.4. Các cuộc họp HDQT nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp...	Sửa đổi thời hạn phải triệu tập các cuộc họp HDQT khi có đề nghị họp từ các đối tượng đặc biệt theo qui định tại Khoản 5 Điều 153 của LDN 2014
20	Thời hạn gửi thông báo mời họp khi triệu tập họp HDQT bất thường theo yêu cầu của các đối tượng đặc biệt	Điều 27. Các cuộc họp của HDQT 27.7. Thông báo họp HDQT phải được gửi trước cho các thành viên HDQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp...	Sửa đổi khoản 5 Điều 27 như sau: 27.7. Thông báo họp HDQT phải được gửi trước cho các thành viên HDQT ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp...	Sửa đổi thời hạn gửi thông báo mời họp khi triệu tập họp HDQT bất thường theo qui định tại khoản 6 Điều 153 của LDN
21	Thời hạn triệu tập họp HDQT lần 2 khi cuộc họp lần 1 không thể diễn ra	Điều 27. Các cuộc họp của HDQT 27.8. Các cuộc họp của HDQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HDQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).	Sửa đổi khoản 8 Điều 27 như sau: 27.8. Các cuộc họp của HDQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HDQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).	Sửa đổi thời hạn triệu tập họp HDQT lần 2 (sau khi cuộc họp lần 1 không thể diễn ra) theo qui định tại khoản 8 Điều 153 của LDN 2014

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp	Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp	
22	Công khai các lợi ích liên quan	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 35.2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác	Sửa đổi khoản 2 Điều 35 như sau: 35.2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Nội dung thông báo bao gồm: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của DN mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;	Điều chỉnh đối tượng phải công khai các lợi ích liên quan là những đối tượng có tỷ lệ sở hữu tại DN khác trên 10% vốn ĐL theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 159 LDN 2014
23	Ban kiểm soát	Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát 32.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập	Sửa đổi khoản 1 điều 32 như sau: 32.1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên	Sửa đổi theo Điều 163 của Luật DN 2014: Điểm mới của LDN là Trưởng BKS phải làm việc fulltime tại cty. Đối với quy định tại khoản 2 Điều 164 Kiểm soát viên phải

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán</p>	<p>tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty</p> <p>Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ</p>	<p>có trình độ chuyên môn là kế toán viên hoặc kiểm toán viên</p>
		<p>32.4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Sửa đổi khoản 4 Điều 32 như sau: 32.4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty</p> <p>d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan</p>	<p>Khoản 1 Điều 32 đã có qui định về số lượng và nhiệm kỳ của BKS nên hủy khoản 4 và thay thế bằng khoản liên quan đến Tiêu chuẩn và điều kiện làm TV BKS</p> <p>- Sửa đổi theo qui định tại khoản 1 Điều 164 của Luật DN 2014</p>
		<p>32.5 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm</p>	<p>Sửa đổi khoản 5 Điều 32 như sau: Tách thành 2 khoản: 32.5 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 169 của Luật DN</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		<p>thành viên Ban kiểm soát; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trách nhiệm của Kiểm soát viên → không qui định</p>	<p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo qui định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận</p> <p>32.6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Đề xuất bổ sung: 32.7. Trách nhiệm của Kiểm soát viên a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty. c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p>	<p>Bổ sung thêm qui định về trách nhiệm của kiểm soát viên theo qui định tại Điều 168 của Luật DN 2014</p>

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			<p>e. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.</p> <p>g. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả</p>	
		Điều 33. Ban kiểm soát 33.1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này...	Sửa đổi khoản 1 Điều 33 như sau: 33.1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này...	
24	Quyền xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, BCTC giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán VN và các báo cáo của BKS của cổ đông lớn	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 37.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	Sửa đổi khoản 1 Điều 37 như sau: 37.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết liên tục trong thời hạn sáu tháng có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó; xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, Báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ	Sửa đổi theo Điểm b khoản 2 Điều 114 của LDN 2014

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
			đồng mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	
25	Phân phối lợi nhuận	Không có qui định	Bổ sung điểm a khoản 1 Điều 39 như sau: 39.1.a. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. Trình tự, thủ tục thanh toán cổ tức được thực hiện thực hiện theo qui định tại Khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp	Bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp 2014
26	Con dấu	Điều 46. Con dấu 46.1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	Sửa đổi khoản 1 Điều 46 như sau: 46.1. HĐQT quyết định thông qua hình thức, số lượng và nội dung con dấu chính thức của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Việc quản lý và sử dụng con dấu thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu do HĐQT ban hành	Sửa đổi theo qui định tại khoản 1 Điều 44 của LDN 2014
27	Thư ký công ty	Điều 31. Thư ký công ty Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 31.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 31.2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 31.3. Tham dự các cuộc họp. 31.4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 31.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	Sửa đổi khoản 31.1 → 31.5, thêm khoản 31.6 như sau: Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 31.1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các Biên bản họp; 31.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; 31.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; 31.4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; 31.5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính	Sửa đổi bổ sung theo qui định tại khoản 5 Điều 152. Luật DN 2014 bổ sung một số nhiệm vụ của Thư ký như: Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng nguyên tắc quản trị, xây dựng quan hệ cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT

STT	Nội dung cần sửa đổi, bổ sung	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do
		Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty	31.6. Quyền và nghĩa vụ khác theo qui định tại Điều lệ Công ty Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty	
28		Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của TGD điều hành 30.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	Sửa đổi khoản 1 Điều 30 như sau: 30.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty	Sửa đổi câu từ cho rõ nghĩa hơn
29	Hiệu lực	Điều 52: Ngày hiệu lực Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành nhất trí thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2014 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này	Sửa đổi, bổ sung như sau: Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2015 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này	

Trên đây là nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều Lệ tổ chức và hoạt động Cty CP Tập đoàn KNG Trường Thành. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua